

LLDPE 7420A

Nhựa Polyethylene mật độ thấp tuyến tính

Đặc điểm đặc biệt: Nhựa InnoPlus LL7420A là một polyethylene mật độ thấp tuyến tính với các comonome butene, không chứa phụ gia trượt và chống dính. Loại nhựa này đem lại kết quả xuất sắc vượt trội trong cả quá trình gia công màng thổi và màng đúc. Màng được ép đùn từ InnoPlus LL7420A có độ bền cao, độ bóng và độ cứng tốt. Có thể sử dụng loại nhựa này để pha trộn với các loại polyethylene khác như HDPE và LDPE.

Ứng dụng điển hình: InnoPlus LL7420A được khuyến nghị sử dụng để chế tạo màng bọc kéo căng, màng lót, túi công nghiệp, bao tải đựng chất thải và túi đựng rác.

Đặc tính điển hình:

Đặc tính	InnoPlus LL7420A	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
<u>Đặc tính vật lý</u>			
Chỉ số chảy (190°C, 2,16 kg)	2,0	g/10 phút	ASTM D1238
Mật độ	0,918	g/cm ³	ASTM D792
Nhiệt độ nóng chảy	121	°C	ASTM D2117
Nhiệt độ hóa mềm Vicat	96	°C	ASTM D1525
<u>Đặc tính màng*</u>			
Độ bền kéo ở điểm gãy (MD/TD)	31 / 23	MPa	ASTM D882
Độ giãn dài ở điểm gãy (MD/TD)	700 / 900	%	ASTM D882
Mô-đun kéo, 1% cát tuyến (MD/TD)	195 / 220	MPa	ASTM D882
Độ bền va đập kiểu thả rơi phi tiêu	85	g	ASTM D1709
Độ bền xé (MD/TD)	100 / 318	g	ASTM D1922
Độ mờ	10	%	ASTM D1003
Độ bóng (45°)	50	-	ASTM D2457
* các đặc tính của màng thu được từ màng 25 micron là màng thổi được ép đùn ở tỷ lệ thổi 2			
<u>Đặc tính cơ học (Dựa trên các mẫu nén)</u>			
Độ bền kéo ở điểm uốn cong	10	MPa	ASTM D638
Độ bền kéo ở điểm gãy	26	MPa	ASTM D638
Độ giãn dài ở điểm gãy	900	%	ASTM D638
Mô-đun uốn	290	MPa	ASTM D790
Độ cứng đo bằng máy đo độ cứng	50	Shore D	ASTM D2240
Độ bền va đập được đánh dấu theo kiểu Izod	390	J/m	ASTM D256

Điều kiện xử lý:

Thiết lập nhiệt độ được đề xuất nằm trong khoảng 160 - 180°C đối với máy ép đùn và 170 - 190°C đối với vùng khuôn.

Lưu ý: Các đặc tính được báo cáo ở đây là giá trị điển hình của sản phẩm, không được coi là tiêu chuẩn kỹ thuật.

PTT Global Chemical không đưa ra bất kỳ bảo đảm nào về tính chính xác hoặc mức độ hoàn chỉnh của thông tin trong đây